

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành theo Quyết định số 151d/2021/QĐ-ĐHGD ngày 12 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định)*

Tên chương trình: **Cử nhân Kinh doanh Quốc tế**

Trình độ đào tạo: **Đại học**

Ngành đào tạo: **Logistics và quản lý chuỗi cung ứng**

Tên tiếng Anh: **Logistics and Supply Chain Management**

Mã ngành: **7510605**

Loại hình đào tạo: **Chính quy**

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu tổng quát

Đào tạo cử nhân Logistics và Quản lý Chuỗi cung ứng có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt, có kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng cũng như ứng dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để thực hiện các công việc trong ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao của nền kinh tế; đồng thời có năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm và có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Tạo cho người học có phẩm chất chính trị, tư cách đạo đức, sức khỏe tốt, và có trách nhiệm với xã hội; có ý thức tổ chức kỷ luật, lối sống văn minh, tác phong công nghiệp và có ý thức rèn luyện sức khỏe để phục vụ ngành nghề;

- Cung cấp kiến thức cơ bản về cơ chế vận hành của nền kinh tế, hiểu biết luật pháp và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước;

- Cung cấp kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh, các vấn đề tổng quan và chuyên sâu về thương mại quốc tế, các chính sách kinh tế đối ngoại chủ yếu hiện nay, đặc điểm phát triển kinh tế thế giới trong xu hướng toàn cầu hóa, những vấn đề về hội nhập kinh tế, đầu tư quốc tế tại Việt Nam;

- Cung cấp các kiến thức cơ bản về nghiệp vụ kinh doanh quốc tế (xuất nhập khẩu), vận tải (logistics), bảo hiểm ngoại thương, thương mại quốc tế; công cụ, chính sách ngoại thương và đối ngoại với các tổ chức liên kết kinh tế quốc tế, đầu tư quốc tế, thanh toán quốc tế và quản trị tài chính trong các công ty đa quốc gia;

- Có năng lực độc lập suy nghĩ, sáng tạo và bản lĩnh trong hoạt động nghề nghiệp, hình thành kỹ năng tự học, tự nghiên cứu và khả năng tiếp thu các kiến thức mới để nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng phân tích và làm việc; và có khả năng thích nghi với sự thay đổi của môi trường sống và làm việc tốt.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Sau khi hoàn thành khóa học, người học có khả năng:

- Ứng dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội, chính trị, pháp luật, tài nguyên và môi trường để giải quyết các vấn đề trong Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức đại cương, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật vào việc tính toán, mô phỏng, phân tích, tổng hợp các vấn đề trong hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;

- Có kiến thức rộng và bao quát về kinh tế và kinh doanh. Ứng dụng kiến thức khoa học cơ bản, khoa học xã hội và công nghệ để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Logistics và quản lý chuỗi cung ứng;

- Có kiến thức căn bản, cập nhật và phát triển về quản trị kinh doanh và ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng;

- Nắm vững và áp dụng được những kiến thức chuyên sâu và thực tiễn về chuyên ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng như: Đóng gói, lưu kho, giao nhận, vận tải, bảo hiểm để giải quyết các vấn đề sản xuất kinh doanh

- Nắm vững kiến thức về khoa học xã hội và nhân văn, có hiểu biết thông thạo ngoại ngữ và kiến thức cơ bản về tin học.

2.2. Kỹ năng

- Có khả năng tham gia lập và triển khai kế hoạch nghiên cứu, phát triển, và kế hoạch giải quyết, thực hiện và kiểm tra các vấn đề của logistics và quản lý chuỗi cung ứng, hoạt động mua hàng, quản lý nguồn cung, quản lý các đơn hàng, kho bãi, giao nhận, vận tải, tồn kho, logistics điện tử, các luồng vận động trong chuỗi của doanh nghiệp hoặc tổ chức;

- Có khả năng tham gia hoạch định chiến lược, chính sách về logistics và quản lý chuỗi cung ứng của doanh nghiệp hoặc tổ chức, ngành, địa phương;

- Có khả năng tham gia hoạch định, triển khai, phát triển, quản trị hoạt động marketing hoặc thương hiệu; hệ thống quản trị chất lượng và các chương trình cải tiến chất lượng của doanh nghiệp hoặc tổ chức;

- Có kỹ năng mềm phục vụ cho công việc như: Kỹ năng giao tiếp và truyền thông tốt; Kỹ năng làm việc theo nhóm (Team Work); Kỹ năng lập báo cáo, trình diễn vấn đề;

Kỹ năng tổ chức và quản lý theo nhiệm vụ được phân công; Kỹ năng tự học để cập nhật nâng cao kiến thức về quản lý, kinh doanh, về chuyên môn nghiệp vụ; Kỹ năng phân tích, tổng hợp các vấn đề chuyên môn, nghiên cứu độc lập và sáng tạo trong hoạt động thực tiễn;

- Kỹ năng ngoại ngữ: Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ bậc 3 theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT quy định về Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương;

- Kỹ năng tin học: Sử dụng thành thạo phần mềm tin học văn phòng, đồng thời có khả năng sử dụng phần mềm chuyên dùng cho ngành/chuyên ngành sinh viên được đào tạo. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.

2.3. Yêu cầu mức tự chủ và trách nhiệm

- Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể. Có năng lực phân tích, đánh giá và đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, có năng lực cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ về các hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng ở quy mô nhỏ. Có khả năng hình thành và phát triển ý tưởng kinh doanh;

- Có năng lực sáng tạo trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, có năng lực tự định hướng, và thích nghi với môi trường làm việc khác nhau;

- Có năng lực tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghề nghiệp và nghiệp vụ. Có khả năng cập nhật, phát triển và vận dụng các kiến thức về kinh doanh, logistics, quản lý chuỗi cung ứng hiện đại, sáng tạo, linh hoạt trong công việc;

- Ứng xử có văn hóa, sẵn sàng đương đầu với khó khăn, áp lực và chấp nhận rủi ro, kiên trì, linh hoạt, tự tin, chăm chỉ, nhiệt tình, say mê có tinh thần tìm tòi và khám phá, Tự chủ, chính trực, phản biện, sáng tạo;

- Có đạo đức nghề nghiệp, chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc của tổ chức, hành vi và ứng xử chuyên nghiệp, thái độ tích cực trong công việc, có tinh thần hợp tác tốt với đồng nghiệp trong quá trình làm việc;

- Có trách nhiệm với xã hội và tuân thủ pháp luật.

2.4. Yêu cầu về thái độ

- Thể hiện ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân, có phẩm chất chính trị đạo đức, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, biết xem xét và chấp nhận các quan điểm khác nhau;

- Thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi, thể hiện sự tôn trọng và ý thức chấp hành sự phân công, điều động trong công việc của người quản lý;

- Thể hiện đúng đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình theo đuổi, nhận thức được vị trí, vai trò tầm quan trọng của các tiêu chuẩn và nguyên tắc về đạo đức của mình, có thái độ đúng mực với những sai lầm của mình;

- Luôn xây dựng hình ảnh chuyên nghiệp trong công việc và ứng xử hàng ngày tạo một phong cách làm việc chuyên nghiệp. Phương pháp và phong cách làm việc khoa học, có thái độ cầu tiến và vượt khó, biết vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, có khả năng phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn công tác;

- Chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân;

- Luôn luôn cập nhật thông tin trong lĩnh vực chuyên ngành của mình để có thái độ ứng xử cũng như xử lý những thay đổi, cập nhật mới một cách phù hợp, hiệu quả.

2.5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Chuyên viên, trợ lý kinh doanh; chuyên viên kiểm soát chất lượng; chuyên viên phụ trách kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh hãng tàu, forwarder tại các công ty tư nhân đang hoạt động trong nhiều lĩnh vực ngành nghề. Chuyên viên tại các tổ chức khu vực công, hoặc các Ủy ban tư vấn, cố vấn thuộc nhiều các sở ban ngành liên quan đến xuất nhập khẩu;

- Sau một thời gian làm việc, tích lũy kinh nghiệm và đáp ứng các điều kiện quy định của luật pháp (nếu có) người học có thể phát triển nghề nghiệp trở thành nhà quản trị cấp trung: trưởng nhóm, phụ trách hoặc phó trưởng bộ phận các đơn vị (sau 3-5 năm);

- Chuyên viên thu mua, thanh toán quốc tế, Văn phòng đại diện của các công ty đa quốc gia;

- Nhân viên Logistics, chứng từ, nhân viên hiện trường, điều vận đội xe, dịch vụ khách hàng;

- Chủ doanh nghiệp logistics và chuỗi cung ứng, thông qua xây dựng ý tưởng kinh doanh và thực hiện khởi nghiệp; tạo lập doanh nghiệp và điều hành doanh nghiệp.

2.6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường

- Hình thành thói quen học suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu về kinh doanh quốc tế nói chung và Logistics nói riêng;

- Đáp ứng được với các yêu cầu học tập nâng cao ở các trình độ thạc sĩ, tiến sĩ thuộc các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh tại các cơ sở đào tạo trong nước và ngoài nước;

- Có khả năng tự học tập về các vấn đề lý luận và thực tiễn có liên quan đến Logistics và quản lý chuỗi cung ứng.

2.7. Các tài liệu, chương trình, chuẩn quốc tế mà khoa tham khảo

- Chương trình và tài liệu ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng của trường Đại học California Long Beach – Hoa Kỳ, trường Đại học Huddersfield – Anh Quốc, trường Đại học Hull – Anh Quốc, Đại học Swinburne, Úc, ...

- Chương trình và tài liệu ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh, Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Trường Đại học Thủy Lợi, trường Đại học Kinh tế Quốc Dân.

3. Thời gian đào tạo

Thời gian đào tạo của chương trình là 03 năm với 8 học kỳ.

4. Khối lượng kiến thức toàn khóa

Tổng khối lượng kiến thức tích lũy cho toàn khóa tối thiểu là **120 tín chỉ**, không bao gồm Giáo dục Thể chất (3 tín chỉ) và Giáo dục Quốc phòng – An ninh (8 tín chỉ).

Nội dung	Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn
Kiến thức Giáo dục đại cương <i>Chưa tính khối kiến thức Giáo dục Quốc phòng - An ninh, Giáo dục thể chất.</i>	53	47	06
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	67	58	09
▪ Kiến thức cơ sở ngành	18	15	03
▪ Kiến thức ngành	21	18	03
▪ Kiến thức chuyên ngành	18	15	03
▪ Thực tập tốt nghiệp	4	4	0
▪ Khóa luận tốt nghiệp	6	6	0
Tổng cộng	120	105	15

5. Đối tượng tuyển sinh

Công dân đã có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

6.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo thực hiện trong 3 năm gồm 8 học kỳ trong đó có 7 học kỳ tích lũy kiến thức tại trường và 1 kỳ hoàn thành khóa luận hoặc thực tập tại cơ sở thực

tế. Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, dựa trên Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học và.

6.2. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khóa học, sinh viên được công nhận tốt nghiệp khi hội đủ các tiêu chuẩn theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Gia Định, cụ thể:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Có các Chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng – An ninh và Giáo dục Thể chất.

7. Thang điểm

Thực hiện đánh giá, cho điểm quá trình kiểm tra, đánh giá học phần, thi kết thúc học phần theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn tới một chữ số thập phân và quy đổi thành điểm chữ (A, B, C, ...) và điểm số tương ứng theo thang điểm 4 (từ 0 đến 4) theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định về Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

TT	Xếp loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	
			Điểm chữ	Điểm số
1	ĐẠT	Từ 8,5 đến 10,0	A	4,0
2		Từ 7,0 đến 8,4	B	3,0
3		Từ 5,5 đến 6,9	C	2,0
4		Từ 4,0 đến 5,4	D	1,0
5	KHÔNG ĐẠT	Từ 0,0 đến 3,9	F	0,0

8. Nội dung chương trình đào tạo: 120 tín chỉ

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc/ Tự chọn	Điều kiện tiên quyết	Học trước - Học sau
1. Kiến thức giáo dục đại cương <i>(Không bao gồm Giáo dục Thể chất – 3TC và Giáo dục Quốc phòng – An ninh – 8TC)</i>			53 TC			
1.1. Chính trị, pháp luật			11 TC			
1	DC001113001	Triết học Mác – Lênin	3			
2	DC001112002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2			
3	DC001112003	Chủ nghĩa Khoa học xã hội	2			
4	DC001112004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			
5	DC001112005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2			
1.2. Khoa học – Công nghệ - Kỹ thuật (STEM)			9 TC			
1.2.1. Kiến thức Stem bắt buộc			6 TC			
6	DC031113022	Kinh tế học đại cương	3			
7	DC031113039	Toán cao cấp ứng dụng trong kinh doanh	3			
1.2.2. Kiến thức Stem tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)			3 TC			
8	DC031113040	Công dân số	3			
9	DC001113014	Khoa học tổng quát	3			
10	IB031113001	Trí tuệ nhân tạo	3			
11	IB031113002	Truyền thông đại chúng và xã hội	3			
1.3. Khai phóng			9 TC			
1.3.1. Kiến thức khai phóng bắt buộc			6 TC			
12	DC001113017	Nghệ thuật và nhân văn	3			
13	DC001113018	Trí tuệ và văn hóa	3			
1.3.2. Kiến thức khai phóng tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)			3 TC			
14	DC001113019	Con người và môi trường	3			
15	DC031113025	Pháp luật và đạo đức kinh doanh	3			
16	LK031113008	Tâm lý học	3			
17	DC031113038	Văn hóa doanh nghiệp	3			
1.4. Tư duy, kỹ năng			12 TC			
18	DC001113020	Tư duy tích cực và đổi mới sáng tạo	3			
19	DC001113021	Phong cách làm việc chuyên nghiệp	3			
20	DC001113012	Kỹ năng mềm	3			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc/ Tự chọn	Điều kiện tiên quyết	Học trước - Học sau
21	IB031113003	Phương pháp học đại học và định hướng nghề nghiệp	3			
1.5. Tiếng Anh			9 TC			
22	DC001113007	Tiếng Anh 1	3			
23	DC001113008	Tiếng Anh 2	3			
24	DC001113009	Tiếng Anh 3	3			
1.6. Tin học			3 TC			
25	DC001113006	Tin học văn phòng	3			
1.7. Giáo dục thể chất			3 TC			
26	DC001111010	Giáo dục thể chất 1 (*)	1			
27	DC031111035	Giáo dục thể chất 2 (*)	1			
28	DC031111036	Giáo dục thể chất 3 (*)	1			
1.8. Giáo dục Quốc phòng			8 TC			
29	DC001118011	Giáo dục Quốc phòng (*)	8			
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			67 TC			
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			18 TC			
2.1.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			15 TC			
30	DC031113023	Quản trị học	3			
31	DC031113024	Nguyên lý kế toán	3			
32	IB031113005	Lý thuyết tài chính	3			
33	DC031113026	Marketing căn bản	3			
34	IB031113006	Tin học ứng dụng trong quản lý	3			
2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)			3 TC			
35	IB031113007	Quản lý hệ thống thông tin Doanh nghiệp	3			
36	IB031113008	Quản trị vận hành doanh nghiệp	3			
37	DC031113027	Kinh tế quốc tế	3			
38	DC031113029	Quản trị dự án	3			
2.2 Kiến thức chuyên ngành			21 TC			
2.2.1 Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			18 TC			
39	KD031113037	Tổng quan về Logistics và chuỗi cung ứng	3			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc/ Tự chọn	Điều kiện tiên quyết	Học trước - Học sau
40	LG031113002	Chiến lược kinh doanh logistics và chuỗi cung ứng	3			
41	LG031113010	Quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh logistics và chuỗi cung ứng	3			
42	LG031113009	Marketing dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng	3			
43	KD031113032	Quản trị vận tải đa phương tiện	3			
44	LG031113014	Tiếng anh chuyên ngành Logistics	3			
2.2.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)			3 TC			
45	IB031113025	Thương mại điện tử	3			
46	KD031113009	Luật thương mại quốc tế	3			
47	LG031113007	Logistics ngược	3			
48	IB031113012	Marketing quốc tế	3			
2.3. Kiến thức chuyên sâu			18 TC			
2.3.1. Kiến thức chuyên ngành Dịch vụ Logistics						
2.3.1.1. Kiến thức chuyên sâu bắt buộc			15 TC			
49	LG031113016	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3			
50	IB031113031	Nghiệp vụ hải quan	3			
51	IB031113029	Thanh toán quốc tế	3			
52	LG031113004	Giao nhận và vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu	3			
53	LG031113001	Bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu	3			
2.3.1.2. Kiến thức chuyên sâu tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)			3 TC			
54	IB031113027	Thuế và ra quyết định	3			
55	IB031113019	Quản trị quan hệ khách hàng	3			
56	LG031113015	Vận hành Doanh nghiệp logistics	3			
57	KD031113005	Hành vi tổ chức	3			
2.3.2. Kiến thức chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng						
2.3.2.1 Kiến thức chuyên sâu bắt buộc			15 TC			
58	KD031113014	Phân tích và thiết kế chuỗi cung ứng	3			
59	LG031113012	Quản trị vận hành Doanh nghiệp Logistics và chuỗi cung ứng	3			
60	KD031113002	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3			

TT	Mã học phần	Tên học phần	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ĐA/TT)	Bắt buộc/ Tự chọn	Điều kiện tiên quyết	Học trước - Học sau
61	KD031113023	Quản trị kho hàng	3			
62	IB031113019	Quản trị quan hệ khách hàng	3			
2.3.2.2. Kiến thức chuyên sâu tự chọn (Chọn 1 trong 4 HP)			3 TC			
63	IB031113027	Thuế và ra quyết định	3			
64	IB031113019	Quản trị rủi ro	3			
65	LG031113015	Quản trị xuất nhập khẩu hàng hoá	3			
66	KD031113005	Hành vi tổ chức	3			
2.4. Thực tập tốt nghiệp/Đào tạo trong DN			10 TC			
2.4.1. Học kỳ doanh nghiệp			10 TC			
67	LG0311110005	Học kỳ doanh nghiệp - Logistics	10			
2.4.2. Thực tập tốt nghiệp + Báo cáo tốt nghiệp			10 TC			
68	LG031114013	Thực tập tốt nghiệp - Logistics	4			
69	LG031116017	Báo cáo tốt nghiệp - Logistics	6			
2.4.3. Thực tập tốt nghiệp + Môn học thay thế			10 TC			
2.4.3.1. Thực tập tốt nghiệp			4			
70	LG031114013	Thực tập tốt nghiệp - Logistics	4			
2.4.3.2. Môn học thay thế			6			
71	IB031113036	Phương pháp nghiên cứu định lượng	3			
72	IB031113037	Kỹ năng khởi nghiệp	3			

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

9. Kế hoạch giảng dạy

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
Học kỳ 1			15	
1	DC001113001	Triết học Mác – Lênin	3	
2	DC031113022	Kinh tế học đại cương	3	
3	DC001113017	Nghệ thuật và nhân văn	3	
4	IB031113003	Phương pháp học đại học và định hướng nghề nghiệp	3	
5	DC001113007	Tiếng Anh 1	3	
6	DC001113010	Giáo dục thể chất 1 (*)	3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
Học kỳ 2			14	
1	DC001112002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	
2	DC031113039	Toán cao cấp ứng dụng trong kinh doanh	3	
3	DC001113012	Kỹ năng mềm	3	
4	DC001113008	Tiếng Anh 2	3	
5	DC031111035	Giáo dục thể chất 2 (*)	1	
<i>Phần tự chọn – Sinh viên chọn 1 trong 4 học phần</i>			3	
1	DC001113019	Con người và môi trường	3	
2	DC031113025	Pháp luật và đạo đức kinh doanh	3	
3	LK031113008	Tâm lý học	3	
4	DC031113038	Văn hóa doanh nghiệp	3	
Học kỳ 3			14	
1	DC001112003	Chủ nghĩa Khoa học xã hội	2	
2	DC001113018	Trí tuệ và văn hóa	3	
3	DC001113020	Tư duy tích cực và đổi mới sáng tạo	3	
4	DC001113009	Tiếng Anh 3	3	
5	DC001118011	Giáo dục Quốc phòng (*)	8	
<i>Phần tự chọn – Sinh viên chọn 1 trong 4 học phần</i>			3	
1	DC031113040	Công dân số	3	
2	DC001113014	Khoa học tổng quát	3	
3	IB031113001	Trí tuệ nhân tạo	3	
4	IB031113002	Truyền thông đại chúng và xã hội	3	
Học kỳ 4			14	
1	DC001112004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	
2	DC001113021	Phong cách làm việc chuyên nghiệp	3	
3	DC031113023	Quản trị học	3	
4	DC031113024	Nguyên lý kế toán	3	
5	DC001113006	Tin học văn phòng	3	
6	DC031111036	Giáo dục thể chất 3 (*)	1	
Học kỳ 5			17	
1	DC001112005	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	IB031113005	Lý thuyết tài chính	3	
3	DC031113026	Marketing căn bản	3	
4	IB031113006	Tin học ứng dụng trong quản lý	3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
5	KD031113032	Quản trị vận tải đa phương tiện	3	
Phần tự chọn – Sinh viên chọn 1 trong 4 học phần			3	
1	IB031113007	Quản lý hệ thống thông tin Doanh nghiệp	3	
2	IB031113008	Quản trị vận hành doanh nghiệp	3	
3	DC031113027	Kinh tế quốc tế	3	
4	DC031113029	Quản trị dự án	3	
Học kỳ 6			18	
1	KD031113037	Tổng quan về Logistics và chuỗi cung ứng	3	
2	LG031113002	Chiến lược kinh doanh logistics và chuỗi cung ứng	3	
3	LG031113010	Quản trị nguồn nhân lực trong kinh doanh logistics và chuỗi cung ứng	3	
4	LG031113009	Marketing dịch vụ logistics và chuỗi cung ứng	3	
5	LG031113014	Tiếng Anh chuyên ngành Logistics	3	
Phần tự chọn – Sinh viên chọn 1 trong 4 học phần			3	
1	IB031113025	Thương mại điện tử	3	
2	KD031113009	Luật thương mại quốc tế	3	
3	LG031113007	Logistics ngược	3	
4	IB031113012	Marketing quốc tế	3	
Học kỳ 7			18	
* Chuyên ngành Dịch vụ Logistics			18	
1	LG031113016	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	
2	IB031113031	Nghiệp vụ hải quan	3	
3	IB031113029	Thanh toán quốc tế	3	
4	LG031113001	Bảo hiểm hàng hoá xuất nhập khẩu	3	
5	LG031113004	Giao nhận và vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu	3	
Phần tự chọn – Sinh viên chọn 1 trong 4 học phần			3	
1	IB031113027	Thuế và ra quyết định	3	
2	IB031113019	Quản trị quan hệ khách hàng	3	
3	LG031113015	Vận hành Doanh nghiệp logistics	3	
4	KD031113005	Hành vi tổ chức	3	
* Chuyên ngành Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng			18	
1	KD031113014	Phân tích và thiết kế chuỗi cung ứng	3	

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Ghi chú
2	LG031113012	Quản trị vận hành Doanh nghiệp Logistics và chuỗi cung ứng	3	
3	KD031113002	Giao dịch và đàm phán kinh doanh	3	
4	KD031113023	Quản trị kho hàng	3	
5	IB031113019	Quản trị quan hệ khách hàng	3	
Phần tự chọn – Sinh viên chọn 1 trong 4 học phần			3	
1	IB031113027	Thuế và ra quyết định	3	
2	IB031113019	Quản trị rủi ro	3	
3	LG031113015	Quản trị xuất nhập khẩu hàng hoá	3	
4	KD031113005	Hành vi tổ chức	3	
Học kỳ 8			10	
1	LG031114013	Thực tập tốt nghiệp - Logistics	4	
2	LG031116017	Báo cáo tốt nghiệp - Logistics	6	
Tổng số tín chỉ			120	

10. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Chương trình đào tạo được xây dựng dựa theo khung Chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và được thực hiện ở tất cả các cơ sở đào tạo bậc đại học. Chương trình gồm 120 tín chỉ, trong đó phần kiến thức giáo dục đại cương 53 tín chỉ (44,2%) và phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 67 tín chỉ (55,8%); bao gồm 18 tín chỉ các môn Cơ sở ngành, 21 tín chỉ các môn kiến thức ngành, 18 tín chỉ kiến thức chuyên ngành, 10 tín chỉ thực tập tốt nghiệp và khóa luận; Chương trình có 105 tín chỉ học phần bắt buộc, 15 tín chỉ học phần tự chọn.

- Quy đổi tiết giảng theo Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo học chế tín chỉ hiện hành của Trường Đại học Gia Định.

01 tín chỉ (TC) = 15 tiết lý thuyết
= 30 – 45 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận
= 45 – 90 giờ thực tập tại cơ sở hoặc phòng thực hành
= 45 – 60 giờ làm tiểu luận, khóa luận tốt nghiệp
= 30 giờ chuẩn bị cá nhân

01 tiết học lý thuyết, thực hành có thời lượng được tính bằng 50 phút.

Việc triển khai chi tiết thực hiện chương trình và giám sát chất lượng chuyên môn do Hiệu trưởng chỉ đạo thực hiện, bao gồm các học phần bắt buộc và tự chọn (kể cả phần GDTC và GDQP-AN).

Phòng Đào tạo đại học và Khoa Kinh tế - Quản trị có nhiệm vụ phối hợp thực hiện chương trình theo chuẩn đầu ra. Sau mỗi hai năm học hoặc sau mỗi khóa học, Khoa phải lấy ý kiến người học, người sử dụng nguồn nhân lực ngành Kinh doanh quốc tế do Trường đào tạo để làm cơ sở cho việc điều chỉnh Đề cương chi tiết môn học.

10.1. Môn tự chọn

Trường/Khoa sẽ chủ động bố trí và điều chỉnh các môn học tự chọn để đảm bảo tích lũy đủ số tín chỉ. Hàng năm, phần kiến thức tự chọn có thể được thay đổi, bổ sung để đáp ứng yêu cầu cập nhật và hội nhập.

10.2. Khóa luận tốt nghiệp hoặc học các học phần thay thế

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ Trường Đại học Gia Định.

Sinh viên không đủ điều kiện làm khoá luận tốt nghiệp hoặc đồ án tốt nghiệp hoặc không muốn làm sẽ đăng ký học các học phần chuyên môn thay thế theo quy định trong chương trình đào tạo, sao cho tổng số tín chỉ của các học phần chuyên môn học thêm tương đương với số tín chỉ của khoá luận tốt nghiệp hoặc đồ án tốt nghiệp.

Trường ban hành quy định cụ thể về tổ chức, thực hiện và cách thức đánh giá khóa luận tốt nghiệp hoặc đồ án tốt nghiệp.

Sinh viên đủ điều kiện sẽ thực hiện Khóa luận tốt nghiệp hoặc học một số học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp.

10.3. Phương pháp dạy - học

- Chương trình được biên soạn theo hướng đổi mới các phương pháp dạy và học đại học: giảm số giờ lý thuyết, dành nhiều thời gian cho sinh viên tự nghiên cứu, đọc tài liệu, thảo luận, làm các bài tập và thực tập;
- Tăng cường các phương tiện nghe nhìn, phương pháp dạy/học tích cực;
- Đảm bảo sách giáo khoa và tài liệu tham khảo cho sinh viên;
- Nhà trường đảm bảo và cung cấp, hướng dẫn cho sinh viên các thông tin về giáo trình, tài liệu học tập để sinh viên quyết định lựa chọn tài liệu học tập phù hợp học phần. Nhà trường khuyến khích, tạo mọi điều kiện, lịch trình học tập để sinh viên có năng động và chủ động trong tự học, tự tìm hiểu thu nhận kiến thức môn học;

- Tăng cường hiệu quả các buổi thực tập, phân công giảng viên theo dõi, giám sát các hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên, tổ chức kiểm tra khi kết thúc mỗi học phần.

10.4. Đánh giá học phần

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30/6/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

10.5. Cách tính điểm

Thực hiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quyết định số 119/2021/QĐ-ĐHGD ngày 30 tháng 06 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Gia Định về Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

Điểm trung bình chung học tập của mỗi năm học, mỗi khoá học được tính theo công thức đã quy định.

Xếp loại kết quả học tập theo quy định chung./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2021

**TRƯỞNG KHOA
KHOA KINH TẾ - QUẢN TRỊ**

**BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

(Đã ký)

NGND, TS. PHẠM CHÂU THÀNH

PGS. TS. VÕ TRÍ HẢO